

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về xây dựng, quản lý hạ tầng kỹ thuật
viễn thông thụ động và sử dụng chung với hạ tầng kỹ thuật khác
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số: 43/2024/QH15, 47/2024/QH15, 58/2024/QH15, 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP của Chính phủ về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 128/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá, phương pháp định giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân sở hữu công trình viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc tổ chức và bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 104/TTr-SKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

tại Báo cáo số 322/BC-STP ngày 30 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về xây dựng, quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và sử dụng chung với hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng, quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và sử dụng chung với hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2026.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý mạng cáp ngoại vi viễn thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (được tiếp tục áp dụng tại STT 4 Mục I Phụ lục kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh) hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VB và Tổ chức thi hành PL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐDBQH tỉnh và HĐND tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XV;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP, CNXD, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{TPC}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về xây dựng, quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và sử dụng chung với hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 111/2026/QĐ-UBND ngày 31/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về xây dựng, quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động với hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các nội dung khác liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác hạ tầng viễn thông thụ động không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước có liên quan đến việc quản lý, xây dựng, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

2. Doanh nghiệp viễn thông; cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có liên quan đến việc xây dựng, lắp đặt, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

3. Tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý hoặc khai thác công trình hạ tầng kỹ thuật khác có liên quan đến việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ngầm hóa mạng cáp viễn thông ngoại vi là việc chuyển mạng cáp viễn thông từ hình thức đi nổi sang hình thức bố trí, lắp đặt trong công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật.

2. Chỉnh trang mạng cáp viễn thông ngoại vi là việc sắp xếp, bó gọn, di dời, thay thế hoặc tháo dỡ cáp, thiết bị phụ trợ nhằm bảo đảm an toàn, mỹ quan và trật tự hạ tầng kỹ thuật.

Chương II XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

Điều 4. Lập kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông thụ động

1. Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh được xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện trên cơ sở phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong quy hoạch tỉnh, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và quy định của pháp luật về viễn thông.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh theo giai đoạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Phê duyệt kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hằng năm của doanh nghiệp; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện trên địa bàn.

c) Yêu cầu doanh nghiệp giải trình, cập nhật, điều chỉnh kế hoạch khi không triển khai hoặc triển khai không đúng kế hoạch; tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định (nếu có).

3. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm:

a) Xây dựng và trình Sở Khoa học và Công nghệ kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hằng năm của doanh nghiệp chậm nhất ngày 30 tháng 11 của năm liền kề trước năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo theo quy định;

b) Cập nhật dữ liệu hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của đơn vị lên hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu bưu chính, viễn thông của tỉnh phục vụ công tác quản lý;

c) Báo cáo, đề xuất điều chỉnh kế hoạch khi có thay đổi ảnh hưởng đến việc thực hiện.

4. Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hằng năm của doanh nghiệp phải bảo đảm các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 3 Điều 78 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Yêu cầu trong đầu tư xây dựng

1. Doanh nghiệp viễn thông khi đầu tư công trình viễn thông phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và viễn thông theo quy định pháp luật, bảo đảm an toàn công trình, an toàn thông tin, an ninh thông tin, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và mỹ quan đô thị.

2. Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải bảo đảm khả năng sử dụng chung hạ tầng theo quy định tại Chương III của Quy định này.

3. Trong quá trình thiết kế và xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, doanh nghiệp viễn thông phải bố trí không gian kỹ thuật dự phòng phù hợp để phục vụ việc mở rộng dung lượng, nâng cấp công trình và đáp ứng nhu cầu sử dụng chung hạ tầng trong tương lai.

4. Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải được thực hiện đầy đủ việc nhận diện công trình, cảnh báo an toàn và ghi thông tin quản lý theo quy định của pháp luật và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

5. Công trình viễn thông được triển khai theo kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 4 của Quy định này thì không phải thực hiện việc xem xét, xác định sự phù hợp riêng về định hướng phát triển hạ tầng trên địa bàn.

6. Trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động chưa có trong kế hoạch đã được phê duyệt hoặc có tính chất đặc thù, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

7. Trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật khác, việc thiết kế, xây dựng, lắp đặt, quản lý và sử dụng phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành tương ứng.

8. Nhu cầu sử dụng đất, không gian xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được rà soát, tổng hợp trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật.

9. Việc xây dựng, lắp đặt cột ăng ten, trạm thu phát sóng thông tin di động thân thiện môi trường tại công trình công cộng, không gian công cộng được thực hiện khi phù hợp với quy hoạch, mục đích sử dụng đất, chức năng công trình, điều kiện quản lý, khai thác công trình, bảo đảm an toàn, mỹ quan, hiệu quả sử dụng đất và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Xây dựng, cải tạo, nâng cấp

1. Việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình viễn thông được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về viễn thông và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Doanh nghiệp viễn thông khi triển khai xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có trách nhiệm thực hiện thông báo khởi công xây dựng theo quy định tại khoản 9 Điều 65 Luật Viễn thông năm 2023, khoản 3 Điều 43 Luật Xây dựng năm 2025 và thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thi công, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã để bảo đảm thi công an toàn, đúng tiến độ, đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác và hoàn trả hiện trạng công trình, mặt bằng theo quy định của pháp luật.

4. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm thực hiện bố trí công trình, thiết bị và nguồn điện dự phòng bảo đảm duy trì thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai và các tình huống khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tích hợp hạ tầng viễn thông thụ động trong dự án xây dựng

1. Chủ đầu tư xây dựng nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định tại khoản 6 Điều 65 Luật Viễn thông số 24/2023/QH15.

2. Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong dự án phải được thể hiện trong hồ sơ quy hoạch chi tiết, hồ sơ thiết kế xây dựng và phương án tổ chức hạ tầng kỹ thuật của dự án.

3. Việc bố trí hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong dự án phải bảo đảm:

a) Khả năng kết nối, tích hợp với mạng viễn thông công cộng;

b) Đáp ứng yêu cầu về vùng phủ, dung lượng và khả năng mở rộng theo nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông trong phạm vi dự án;

c) Bảo đảm khả năng sử dụng chung theo quy định tại Chương III của Quy định này.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp viễn thông trong quá trình thiết kế, đầu tư xây dựng và bàn giao hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để đưa vào khai thác, sử dụng.

Điều 8. Bảo vệ và xử lý sự cố

1. Doanh nghiệp viễn thông và chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, bảo đảm an toàn, duy trì hoạt động ổn định của mạng lưới theo quy định tại Điều 79 Nghị định 163/2024/NĐ-CP.

2. Khi xảy ra sự cố gây gián đoạn thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quốc phòng, an ninh, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm ưu tiên khôi phục thông tin liên lạc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và triển khai các biện pháp kỹ thuật cần thiết để bảo đảm thông tin liên lạc được duy trì thông suốt.

3. Trước khi thi công công trình có khả năng ảnh hưởng đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, đơn vị thi công có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp viễn thông có liên quan để phối hợp triển khai phương án bảo vệ mạng lưới.

4. Trường hợp sự cố hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động xảy ra do thiên tai, hỏa hoạn hoặc trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật, đơn vị sở hữu công trình có trách nhiệm kịp thời tổ chức khắc phục hậu quả, khôi phục hoạt động của mạng lưới trong thời gian sớm nhất.

Chương III

SỬ DỤNG CHUNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC

Điều 9. Nguyên tắc sử dụng chung

1. Việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải tuân thủ quy định của pháp luật về viễn thông, xây dựng và pháp luật có liên quan; phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc sử dụng chung phải bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử; sử dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật, tiết kiệm tài nguyên, hạn chế đầu tư trùng lặp, nâng cao hiệu quả kinh tế - kỹ thuật trong đầu tư, quản lý và khai thác công trình.

3. Việc sử dụng chung phải bảo đảm an toàn công trình, an toàn thông tin, an toàn điện, phòng, chống cháy nổ, yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và mỹ quan đô thị; hạn chế đào xới nhiều lần, chồng lấn không gian kỹ thuật.

4. Việc sử dụng chung chỉ được thực hiện khi công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, còn khả năng khai thác và bảo đảm an toàn cho công trình, thiết bị và con người.

Điều 10. Hình thức và cơ chế sử dụng chung

1. Các hình thức sử dụng chung bao gồm:

- a) Thuê, cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;
- b) Hợp tác đầu tư, cùng khai thác;
- c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc sử dụng chung được thực hiện thông qua hợp đồng giữa các bên theo quy định của pháp luật, trong đó xác định rõ phạm vi, thời hạn, điều kiện kỹ thuật, giá, chi phí và quyền, nghĩa vụ của các bên.

3. Chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có trách nhiệm xem xét, giải quyết đề nghị sử dụng chung trên cơ sở quy định của pháp luật, điều kiện kỹ thuật và khả năng khai thác thực tế của công trình.

4. Giá, chi phí sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật có liên quan; bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với điều kiện khai thác thực tế của công trình.

5. Trường hợp các bên không thỏa thuận được về giá, chi phí sử dụng chung giữa các doanh nghiệp viễn thông thì việc hiệp thương giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Trường hợp các bên không thống nhất được đối với các nội dung khác về chia sẻ hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thì Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hiệp thương, giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 81 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

6. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động do ngân sách nhà nước đầu tư, việc quản lý, khai thác, sử dụng chung và xác định giá, chi phí thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về giá và các quy định của pháp luật có liên quan.

7. Trường hợp xây dựng, lắp đặt, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên tài sản công, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm ưu tiên xem xét, phối hợp thực hiện trên cơ sở thỏa thuận, bảo đảm phù hợp với mục đích sử dụng tài sản, điều kiện kỹ thuật, yêu cầu an toàn công trình và quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về viễn thông và pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Cung cấp, công bố, cập nhật và chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ sử dụng chung

1. Doanh nghiệp có hạ tầng viễn thông và chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm cung cấp, công bố, cập nhật và chia sẻ thông tin, dữ liệu về công trình có khả năng sử dụng chung theo quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Nội dung thông tin, dữ liệu phục vụ sử dụng chung bao gồm:

- a) Vị trí, quy mô, dung lượng, khả năng khai thác của công trình;
- b) Điều kiện kỹ thuật chủ yếu phục vụ việc xem xét sử dụng chung;
- c) Khả năng cho thuê, sử dụng chung hoặc các hạn chế trong khai thác, sử dụng chung;
- d) Các thông tin cần thiết khác có liên quan đến việc đề nghị, xem xét và thực hiện sử dụng chung.

3. Việc công bố, cập nhật và chia sẻ thông tin, dữ liệu được thực hiện bằng hình thức điện tử hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định, đồng thời cung cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ để phục vụ công tác quản lý nhà nước, điều phối và theo dõi việc sử dụng chung trên địa bàn.

4. Trường hợp có thay đổi về khả năng sử dụng chung, điều kiện kỹ thuật hoặc các thông tin có liên quan, chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý công trình có trách nhiệm kịp thời cập nhật, điều chỉnh và cung cấp lại thông tin, dữ liệu theo quy định.

5. Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng chung có trách nhiệm gửi đề nghị đến chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; các bên có trách nhiệm trao đổi, phản hồi, phối hợp xem xét, giải quyết trên cơ sở quy định của pháp luật, điều kiện kỹ thuật và khả năng khai thác thực tế của công trình.

6. Việc cung cấp, công bố, cập nhật và chia sẻ thông tin, dữ liệu quy định tại Điều này phải bảo đảm chính xác, kịp thời, thống nhất; tuân thủ quy định của pháp luật về viễn thông, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Sử dụng chung cột ăng ten, trạm thu phát sóng thông tin di động, nhà trạm

1. Công trình cột ăng ten, trạm thu phát sóng thông tin di động, nhà trạm khi xây dựng mới phải bảo đảm khả năng sử dụng chung; việc sử dụng chung thực hiện khi phù hợp với quy hoạch và khả thi về kỹ thuật, kinh tế và bảo đảm nguyên tắc sử dụng chung tại Điều 9 Quy định này.

2. Doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng có trách nhiệm:

- a) Tạo điều kiện để doanh nghiệp khác tiếp cận, sử dụng chung hạ tầng theo quy định;
- b) Phản hồi đề nghị sử dụng chung theo quy định tại Điều 11 của Quy định này;
- c) Trường hợp từ chối sử dụng chung phải nêu rõ lý do phù hợp với điều kiện kỹ thuật, khả năng chịu tải của công trình hoặc các lý do hợp pháp khác;

d) Trường hợp công trình có khả năng nâng cấp để sử dụng chung, phải đề xuất phương án nâng cấp để các bên xem xét, thỏa thuận thực hiện.

3. Việc bố trí cột ăng ten, trạm thu phát sóng thông tin di động, nhà trạm phải phù hợp với công nghệ thiết bị, đặc điểm khu vực triển khai, yêu cầu sử dụng chung hạ tầng và kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được phê duyệt; bảo đảm sử dụng hiệu quả hạ tầng và hạn chế đầu tư trùng lặp.

4. Nguyên tắc bố trí theo khu vực:

a) Tại khu vực đô thị, ưu tiên lắp đặt trên công trình hiện có, công trình công cộng hoặc sử dụng chung vị trí lắp đặt; hạn chế xây dựng mới cột ăng ten độc lập;

b) Tại khu vực ngoài đô thị, việc bố trí thực hiện theo nhu cầu phủ sóng, điều kiện thực tế và yêu cầu sử dụng chung hạ tầng theo quy định tại Điều này.

5. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm:

a) Lập và gửi đề nghị sử dụng chung trong quá trình xây dựng kế hoạch hằng năm;

b) Bảo đảm hồ sơ thông báo khởi công xây dựng và các hồ sơ, thủ tục có liên quan phù hợp với kế hoạch đã được phê duyệt;

c) Trường hợp điều chỉnh vị trí, phương án so với kế hoạch đã được phê duyệt, phải thực hiện điều chỉnh kế hoạch trước khi triển khai.

Điều 13. Sử dụng chung công trình ngầm, tuyến cáp

1. Tổ chức, doanh nghiệp sở hữu, quản lý, khai thác mạng cáp ngoại vi được sử dụng chung công trình ngầm (cống, bể cáp, hào, tuynel kỹ thuật), tuyến cáp do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác quản lý, sở hữu theo quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Việc lắp đặt bổ sung cáp, thiết bị trên công trình sử dụng chung phải được bố trí hợp lý, bảo đảm an toàn, kích thước, tải trọng phù hợp, không ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực của công trình, không cản trở việc vận hành, bảo trì, sửa chữa công trình.

3. Trường hợp cần thiết phải cải tạo, nâng cấp công trình để đáp ứng nhu cầu sử dụng chung, các bên thực hiện theo thỏa thuận và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Khi đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo công trình ngầm, tuyến cáp, doanh nghiệp viễn thông và tổ chức, doanh nghiệp sở hữu, quản lý, khai thác mạng cáp ngoại vi có trách nhiệm ưu tiên phương án sử dụng chung; trường hợp đầu tư mới phải làm rõ sự cần thiết, hiệu quả đầu tư trong kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hằng năm.

Điều 14. Ngầm hóa mạng cáp viễn thông ngoại vi

1. Ngầm hóa mạng cáp viễn thông ngoại vi phải bảo đảm nguyên tắc sử dụng chung tại Điều 9 Quy định này.

2. Việc ngầm hóa mạng cáp viễn thông ngoại vi được ưu tiên thực hiện tại khu vực trung tâm đô thị, trục đường chính, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu đô thị, khu vực chính trang đô thị và các khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan, an toàn kỹ thuật.

3. Công trình ngầm phục vụ ngầm hóa mạng cáp viễn thông ngoại vi phải bảo đảm khả năng sử dụng chung, kết nối liên thông, dung lượng dự phòng phù hợp với nhu cầu phát triển và an toàn trong quản lý, vận hành, khai thác.

4. Khi đầu tư xây dựng mới, cải tạo hoặc mở rộng tuyến đường, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp và các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan, chủ đầu tư có trách nhiệm bố trí không gian kỹ thuật phù hợp để lắp đặt hệ thống cống, bể cáp, hào, tuynel kỹ thuật phục vụ ngầm hóa mạng cáp viễn thông ngoại vi, bảo đảm khả năng sử dụng chung và đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật khác.

5. Tổ chức, doanh nghiệp sở hữu, quản lý, khai thác mạng cáp ngoại vi có trách nhiệm:

a) Rà soát, xác định nhu cầu ngầm hóa đối với mạng cáp thuộc phạm vi quản lý;

b) Phối hợp với cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan để xây dựng và tổ chức thực hiện phương án ngầm hóa;

c) Bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình, an toàn thông tin liên lạc và không làm ảnh hưởng đến công trình hạ tầng kỹ thuật khác trong quá trình thi công;

d) Cập nhật hồ sơ hoàn công, dữ liệu kỹ thuật của công trình sau khi ngầm hóa để phục vụ công tác quản lý, khai thác và bảo trì.

6. Trường hợp trên cùng địa bàn có từ 02 tổ chức, doanh nghiệp sở hữu, quản lý, khai thác mạng cáp ngoại vi cùng thực hiện ngầm hóa, các doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp thống nhất phương án kỹ thuật, tiến độ và tổ chức thực hiện đồng bộ, bảo đảm sử dụng chung hiệu quả công trình ngầm.

7. Việc phân bổ, chia sẻ chi phí đầu tư, quản lý, vận hành, bảo trì công trình ngầm phục vụ ngầm hóa mạng cáp viễn thông ngoại vi thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Chỉnh trang mạng cáp ngoại vi

1. Chỉnh trang mạng cáp viễn thông ngoại vi phải bảo đảm đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; bảo đảm an toàn kỹ thuật, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, mỹ quan đô thị, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

2. Việc chỉnh trang mạng cáp viễn thông ngoại vi, bao gồm:

a) Bó gọn, sắp xếp lại cáp viễn thông ngoại vi treo;

b) Thay thế, di dời, hợp nhất tuyến cáp, điểm neo, giá đỡ, hộp cáp, tủ cáp và thiết bị treo;

c) Tháo dỡ cáp, thiết bị không còn sử dụng hoặc lắp đặt không đúng quy định;

d) Điều chỉnh độ võng, khoảng cách treo cáp, vị trí treo cáp và các bộ phận phụ trợ khác để bảo đảm an toàn và mỹ quan.

3. Việc chỉnh trang được ưu tiên thực hiện tại khu vực trung tâm đô thị, trục đường chính, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu đô thị và các khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan, an toàn kỹ thuật.

4. Các tuyến cáp viễn thông treo trên cột điện, cột chiếu sáng hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật khác phải được sắp xếp, bó gọn, treo đúng quy định kỹ thuật; không gây chông chéo, vướng, rối, mất an toàn, cản trở giao thông hoặc ảnh hưởng đến công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan.

5. Tổ chức, doanh nghiệp sở hữu, quản lý, khai thác mạng cáp ngoại vi có trách nhiệm:

- a) Rà soát, thống kê, xác định cáp, thiết bị thuộc phạm vi quản lý;
- b) Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện phương án chỉnh trang đối với mạng cáp thuộc phạm vi quản lý;
- c) Kịp thời xử lý, tháo dỡ cáp, thiết bị không còn sử dụng, cáp mất an toàn hoặc gây mất mỹ quan;
- d) Phối hợp với đơn vị quản lý cột, công trình hạ tầng kỹ thuật và các doanh nghiệp có liên quan trong quá trình chỉnh trang, di dời, thay thế;
- đ) Cập nhật hồ sơ, dữ liệu kỹ thuật của tuyến cáp sau chỉnh trang để phục vụ công tác quản lý, khai thác và bảo trì.

6. Trường hợp trên cùng một vị trí có từ 02 tổ chức, doanh nghiệp sở hữu, quản lý, khai thác mạng cáp ngoại vi trở lên cùng treo cáp, các doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp thống nhất phương án chỉnh trang, tổ chức thực hiện đồng bộ, tránh chông chéo, lộn xộn.

7. Trường hợp phát hiện cáp, thiết bị treo không xác định được chủ sở hữu hoặc không còn sử dụng, đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật và các doanh nghiệp có liên quan phối hợp rà soát, xác minh, xử lý, tháo dỡ theo quy định.

8. Việc phân bổ, chia sẻ chi phí chỉnh trang thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Phối hợp trong ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối phối hợp tổ chức thực hiện trên địa bàn quản lý theo kế hoạch, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- a) Chủ trì rà soát, xác định khu vực, tuyến đường, vị trí cần thực hiện;
- b) Tổ chức làm việc với các tổ chức, doanh nghiệp sở hữu, quản lý, khai thác mạng cáp ngoại vi, đơn vị quản lý hạ tầng để thống nhất phương án và kế hoạch thực hiện;
- c) Điều phối việc triển khai thi công trên địa bàn, bảo đảm đồng bộ, hạn chế chông chéo.

3. Tổ chức, doanh nghiệp sở hữu, quản lý, khai thác mạng cáp ngoại vi có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan trong việc xây dựng, thống nhất và triển khai phương án ngầm hóa, chỉnh trang; bảo đảm tiến độ, chất lượng và an toàn thông tin liên lạc.

4. Đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, thống nhất phương án kỹ thuật và tổ chức triển khai đồng bộ.

5. Việc chỉnh trang cáp viễn thông ngoại vi treo trên cột điện lực được thực hiện phù hợp với kế hoạch chỉnh trang, cải tạo lưới điện của ngành điện.

6. Trường hợp phát sinh vướng mắc vượt thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã, các bên có liên quan báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, phối hợp xử lý theo quy định.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn, có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này;
- b) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo;
- c) Quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định;
- d) Chủ trì hiệp thương, giải quyết việc chia sẻ hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn quản lý của mình theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 81 Nghị định 163/2024/NĐ-CP;
- đ) Thực hiện trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

- a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong quản lý đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định của pháp luật về xây dựng;
- b) Phối hợp lồng ghép hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy định;
- c) Phối hợp trong công tác ngầm hóa, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật có liên quan.

3. Sở Công Thương có trách nhiệm:

- a) Phối hợp hướng dẫn việc sử dụng chung cột điện lực để treo cáp viễn thông, bảo đảm an toàn điện và an toàn công trình;
- b) Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc bó gọn, chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột điện;
- c) Phối hợp xử lý sự cố liên quan giữa hệ thống điện và viễn thông theo quy định.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi có trách nhiệm phối hợp quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc phát triển, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trong phạm vi được giao quản lý.

5. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; phối hợp xử lý các tình huống phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn theo quy định của pháp luật.

6. Sở Tài chính có trách nhiệm:

Phối hợp trong việc thực hiện các quy định về giá, chi phí sử dụng chung theo quy định của pháp luật.

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, thực hiện các thủ tục về đất đai liên quan đến việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án, công trình viễn thông theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp, chia sẻ thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ công tác quản lý, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện Quy định này trên địa bàn;

b) Phối hợp quản lý trật tự xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông theo phân cấp;

c) Rà soát, đề xuất vị trí, quỹ đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn; phối hợp với doanh nghiệp viễn thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện;

d) Kịp thời phản ánh, báo cáo khó khăn, vướng mắc phát sinh trên địa bàn về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, xử lý theo quy định.

9. Doanh nghiệp viễn thông, Công ty Điện lực Quảng Ngãi, tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy định này; phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong xây dựng, quản lý, sử dụng chung, ngầm hóa, chỉnh trang và bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Điều 18. Chế độ báo cáo

1. Doanh nghiệp viễn thông, đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tình hình xây dựng, quản lý, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định; hướng dẫn biểu mẫu, thời điểm và phương thức thực hiện chế độ báo cáo để bảo đảm thống nhất trong triển khai.

Điều 19. Quy định chuyển tiếp

1. Các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được đầu tư, xây dựng trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục quản lý, khai thác, sử dụng; trường hợp cải tạo, nâng cấp, mở rộng thì thực hiện theo Quy định này và pháp luật có liên quan.

2. Trong thời gian các kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, kế hoạch ngầm hóa, chỉnh trang và các kế hoạch có liên quan chưa được điều chỉnh, bổ sung đồng bộ, việc xem xét triển khai công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được thực hiện trên cơ sở:

a) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được phê duyệt;

b) Nhu cầu thực tế về phủ sóng, bảo đảm thông tin liên lạc, an toàn công trình, mỹ quan đô thị và yêu cầu quản lý nhà nước có liên quan.

3. Các công trình, kế hoạch, phương án, thỏa thuận đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện; trường hợp có nội dung không còn phù hợp thì thực hiện điều chỉnh theo Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.
